Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/ND-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/ND-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/ND-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:
   “1. Điều kiện chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi vật nuôi trong sản:
   a) Không làm mất đi các điều kiện phù hợp để trồng lúa trở lại; không gây ô nhiễm, thoái hóa đất trồng lúa; không làm hư hỏng công trình giao thông, công trình thủy lợi phục vụ trồng lúa;
   b) Phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi vật nuôi trong sản trên đất trồng lúa của cấp xã (sau đây gọi là kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa), đảm bảo công khai, minh bạch;
   c) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây lâu năm phải theo vung, để hình thành các vùng sản xuất tập trung và khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng sản cỏ; phù hợp với định hướng hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp của địa phương;
   d) Trồng hợp trồng lúa đồng thời kết hợp nuôi vật nuôi trong sản, cho phép sử dụng tối đa 20% diện tích đất trồng lúa để hạ thấp mật bàng cho nuôi trồng thủy sản, độ sâu của mật bàng hạ thấp không quá 120 cm, khi cần thiết phải phục hồi lại được mật bàng để trồng lúa trở lại.”
2. Bổ sung Điều 4a như sau:

“Điều 4a. Quy định thủ tục đăng ký chuyển đối cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

1. Đối tượng có nhu cầu chuyển đối cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, gửi 01 bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp xã theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này gồm:

a) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất trồng lúa hợp pháp (người sử dụng đất) có nhu cầu chuyển đối sang trồng cây hàng năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản;

b) Hộ gia đình, cá nhân trong nước sử dụng đất trồng lúa hợp pháp có nhu cầu chuyển sang trồng cây lâu năm.

2. Trưởng hợp ban đăng ký chuyển đổi không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã phải hướng dẫn cho người sử dụng đất, chính sửa, bổ sung bản đăng ký.

3. Trưởng hợp ban đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời gian 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã có ý kiến “Đồng ý cho chuyển đổi”, đồng đầu vào Bên đăng ký, vào sổ theo dõi và gửi lại cho người sử dụng đất.

4. Trưởng hợp không đồng ý, Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lại bằng văn bản theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này”.

3. Bổ sung Điều 5a như sau:

“Điều 5a. Quy định về thủ tục nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất chuyển lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp

1. Việc nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này, được thực hiện là một thành phần của bộ hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định của Luật đất đai.

2. Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất lập bản kê khai diện tích đất chuyển trồng lúa nước được nhà nước giao, cho thuê theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này gửi tới cơ quan tài nguyên và môi trường để nghị xác định diện tích đất chuyển trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa.

a) Trưởng hợp ban kê khai không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, cơ quan tài nguyên và môi trường phải hướng dẫn cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất bổ sung, hoàn thiện và nộp lại bản kê khai.
b) Trường hợp ban kê khai hợp lệ, trong 05 ngày làm việc, cơ quan tài
nguyên và môi trường có văn bản xác nhận rõ diện tích đất chuyển trong lúa
nuộc phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến người được nhận
nuộc giao đất, cho thuê đất làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp.

3. người được nhận nước giao đất, cho thuê đất gửi hồ sơ đến cơ quan tài
chính của địa phương để nghị xác định số tiền nộp bảo vệ phát triển đất trồng
lúa, hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị xác nhận số tiền phải nộp theo mẫu quyết định
tại Phú lục IV (đối với cơ quan, tổ chức) hoặc Phú lục V (đối với hộ gia đình,
cá nhân) ban hành kèm theo Nghị định này; văn bản xác nhận diện tích đất
chuyển trong lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của cơ
quan tài nguyên và môi trường.

a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, cơ
quan tài chính địa phương phải hướng dẫn cho người được nhận nước giao đất,
cho thuê đất bỗ sung, hoàn thiện và nộp lại hồ sơ.

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc, cơ quan tài chính địa phương cần
cử vào văn bản xác nhận diện tích đất chuyển trong lúa nước phải nộp tiền
của cơ quan tài nguyên và môi trường, xác định số tiền phải nộp theo quy
dịnh đối với diện tích đất chuyển trong lúa nước phải nộp và thông báo cho
người được nhận nước giao đất, cho thuê đất để phải nộp thêm tiền chậm nộp theo quy định của
pháp luật về quản lý thuế”.

4. Cơ quan tài chính địa phương tổ chức thu khoản tiền bảo vệ, phát triển
dất trồng lúa và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Trường hợp quá
thời hạn nộp theo công văn của cơ quan tài chính địa phương, người được nhận
nước giao đất, cho thuê đất sẽ phải nộp thêm tiền chậm nộp theo quy định của
pháp luật về quản lý thuế”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

Úy ban nhân dân các cấp sử dụng kinh phí do người được nhận nước giao
dất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyển
trong lúa nước nộp và nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 7
của Nghị định này để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa. Tuy thuộc vào
diều kiện cụ thể, địa phương sẽ quyết định thực hiện các việc sau:

1. Hỗ trợ cho người trồng lúa

Sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa
dế áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, cống nghiệp mới trong sản xuất lúa; hỗ
trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

2. Phân kinh phí còn lại để thực hiện các việc sau:
a) Phân tích chất lượng hóa, lý tính của các vùng đất chuyển trong lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm để sử dụng hiệu quả và có biện pháp cải tạo phù hợp;

b) Cải tạo năng cao chất lượng đất chuyển trong lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại: tăng độ dày của tầng canh tác; tồn cao đất trồng lúa trồng, thảp; tăng độ bằng phẳng mặt ruộng; thau chua, rửa mặn đổi với đất bị nhiễm phèn, mặn và các biện pháp cải tạo đất khác;

c) Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa;

d) Khai hoang, phục hồi đất chưa sử dụng thành đất chuyển trong lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại."

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 9 như sau:

"2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa ở các địa phương."

6. Bộ sung khoản 5 Điều 10 như sau:

"5. Hàng năm, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản về đất nông nghiệp và cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất nông nghiệp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn."

7. Sửa đổi khoản 4, khoản 6 Điều 13 như sau:

"4. Xác định các loại cây trồng hàng năm, cây lâu năm hoặc loại thuỷ sản phù hợp cho chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa phương theo quy định tại Nghị định này. Chỉ đạo các cơ quan chuyển đổi mòn xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của địa phương.

6. Hàng năm trước ngày 31 tháng 12 báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình quan lý và sử dụng đất trồng lúa của địa phương; báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng của địa phương theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này; báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện báo vệ, phát triển đất trồng lúa."

8. Sửa đổi khoản 2 Điều 13 như sau:

"2. Tổ chức công bố công khai và quản lý chế độ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được xem duyệt; xác định ranh giới, lập bản đồ diện tích đất trồng lúa, vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao. Chỉ đạo cơ quan tài nguyên và môi trường khi thu hồi đất để giao đất, cho thuê đất phải xác định diện tích chuyển trồng lúa nước
chuyên đổi sang mục đích phi nông nghiệp (nếu có) làm cơ sở xác định tiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp ngân sách nhà nước.”

9. Bộ sung Điều 13a như sau:

"Điều 13a. Úy ban nhân dân cấp huyện

1. Lập và ban hành kế hoạch chuyên đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của cấp huyện trên cơ sở kế hoạch chuyên đổi của cấp tỉnh.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyên đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa bàn huyện.

3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, tổng hợp kết quả chuyên đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này; báo cáo Úy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan quản lý chuyên ngành về trồng trọt)."

10. Bộ sung Điều 13b như sau:

"Điều 13b. Úy ban nhân dân cấp xã

1. Xây dựng Kế hoạch chuyên đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cấp xã trên cơ sở kế hoạch chuyên đổi cấp huyện theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này; tổ chức lấy ý kiến của hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong việc xác định vùng chuyên đổi; thông báo công khai kế hoạch chuyên đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại trưng sơ Úy ban nhân dân xã vào quý IV của năm trước trong thời hạn 60 ngày.

2. Tiếp nhận, xử lý Bàn đăng ký chuyên đổi; lập Sở theo đổi chuyên đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

3. Tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyên đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

4. Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, tổng hợp kết quả chuyên đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này báo cáo Úy ban nhân dân cấp huyện.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.


3. Báo bố khoản 7 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đại địa được bổ sung tải khoản 11 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06
tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đạt đại.


Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ các hoạt động quy định tại Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa trước khi Nghị định này có hiệu lực thi tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HDND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Thủ tướng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mật trấn Tờ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BCTN, các PCN, Trợ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2)

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỞNG

Nguyễn Xuân Phúc
Phụ lục I
MẪU BÀN ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI CO CẦU CÁY TRỌNG.
(Kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019)

CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

........, ngày .... tháng .... năm ....

BÀN ĐĂNG KÝ
CHUYỂN ĐỔI CO CẦU CÁY TRỌNG TRÊN ĐẤT TRỌNG LƯA

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn): .............
1. Tên tổ chức hoặc người đại diện của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình: ..........
2. Chức vụ người đại diện tổ chức: ......................................................
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (tổ chức) ....... Ngày cấp: ...... Nơi cấp: ....
4. Địa chỉ: .......................... Số điện thoại: ..................................
5. Diện tích chuyển đổi ... (m², ha), thuộc thửa đất số ..., tờ bản đồ số ....
   khu vực, cảnh dòng ................................................................................
6. Mục đích
   a) Trồng cây hàng năm:
      - Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: Tên cây trồng.........., vụ ............
      - Chuyển đổi từ đất 2 - 3 vụ lúa/năm: Tên cây trồng ........, vụ .........
      - Chuyển đổi từ đất lúa nương: Tên cây trồng ..................................
   b) Trồng cây lâu năm:
      - Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: Tên cây trồng .........., năm ..........
      - Chuyển đổi từ đất 2 - 3 vụ lúa/năm: Tên cây trồng ......, năm ......
      - Chuyển đổi từ đất lúa nương: Tên cây trồng ......................, năm ....
   c) Trồng lúa kết hợp nuôi nội trợ trong thủy sản:
      - Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: Loại thủy sản......, năm ...........
      - Chuyển đổi từ đất 2 - 3 vụ lúa/năm: Loại thủy sản ...., năm ..........
7. Cam kết thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch chuyển đổi của địa phương và các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa./.

UBND CẤP XÃ TIẾP NHÂN
(Ký, họ tên và dòng dấu)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/
HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN
(Ký, họ tên và dòng dấu (nếu có))
Phụ lục II
THÔNG BÁO KHÔNG TIẾP NHẬN BẢN ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐÔI CƠ CÂU CÁY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LỪA
(Kem theo Nghị định số 62/2019/ND-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN
(cấp xã, phường, thị trấn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ......

...., ngày ...... tháng .... năm......

THÔNG BÁO
Về việc không tiếp nhận
Bản đăng ký chuyển đổi cơ câu cây trồng trên đất trồng lúa

Căn cứ quy định tại Nghị định số 62/2019/ND-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/ND-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các quy định khác của pháp luật liên quan.

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ................................................... thông báo:

Không tiếp nhận đơn đăng ký chuyển đổi cơ câu cây trồng trên đất trồng lúa của .............. (họ, tên người đại diện của tổ chức, cá nhân, họ gia đình, tổ chức);

Địa chỉ ................ .... .................................................................

Lý do không tiếp nhận: ................................................................

Yêu cầu Ông/Bà/tổ chức ............... thực hiện Thông báo này và các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa./.


Nơi nhận:
- Người sử dụng đất;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Ký, họ tên và dòng dấu)
Phụ lục III
BÁN KÊ KIỂM ĐIỆN TÍCH ĐẤT TrONG LƯA CHUYỂN MỤC DỊCH
SỬ DỤNG SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Khái niệm Ngọc giả số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)
CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố:...........
(Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thành phố, thị xã)

1. Tên cơ quan/tổ chức/họ gia đình/cá nhân kê khai:.................................
2. Địa chỉ: ..............................................................................................
3. Điểm thu hồi đất: ...................................................................................

<table>
<thead>
<tr>
<th>Vị trí/Địa điểm đất</th>
<th>Diện tích (m²)</th>
<th>Ghi chú</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Vị trí 1: sổ thừa...; sổ tô bàn đỏ...; xã (phường, TT)...; huyện (TP, TX)</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Vị trí 1: sổ thừa...; sổ tô bàn đỏ...; xã (phường, TT)...; huyện (TP, TX)</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Vị trí 1: sổ thừa...; sổ tô bàn đỏ...; xã (phường, TT)...; huyện (TP, TX)</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Vị trí 1: sổ thừa...; sổ tô bàn đỏ...; xã (phường, TT)...; huyện (TP, TX)</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tổng cộng diện tích đất lúa chuyển đối</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Để nghị Hội Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thành phố, thị xã xác định diện tích đất trồng lúa nước chuyển sang mục đích phi nông nghiệp để ..............(tên cơ quan, tổ chức) làm căn cứ để thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định./.

.......... ngày..... tháng ....... năm .......
TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC/
HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN
(Ký tên, dòng dấu nếu có)
Phụ lục IV
MẪU ĐÁNH CHO CƠ QUAN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH TIỀN BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỌNG LƯA
(Kế hoạch Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Số: /
V/v đề nghị xác định tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

......., ngày ....... tháng .......... năm ........

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh/thành phố:.................
(Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố, thị xã)

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.


Căn cứ Quyết định số ...../QD-UBND ngày .... tháng.... năm .... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố về mục thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Cơ quan, tổ chức................. (ghi rõ tên đơn vị) đề nghị xác định tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa như sau:

1. Diện tích đất đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh (Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã) cho thuê (giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất) là: .......... m²; trong đó diện tích đất chuyển trồng lúa nước (đất trồng được hai vụ lúa nước trở lên trong năm) nằm trong diện tích đất thuê (đất giao, đất chuyển mục đích sử dụng) là: ........ m².

2. Số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đề nghị xác định là: ............ đồng

Đề nghị Sở Tài chính tỉnh/thành phố (Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố, thị xã) xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đề ........ (tên cơ quan, tổ chức) thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định./.

Noi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, dòng đầu)
Phụ lục V
MÃ ĐÁNH CHƠI HỌ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐỂ NGHỈ XÁC ĐỊNH TIỀN BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỌNG LƯxAA
(Khám phá, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh/thành phố: ......................
(Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố, thị xã)

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.


Căn cứ Quyết định số ....../QĐ-UBND ngày .... tháng .... năm .... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố về mức thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Tôi tên là: .................................................................
Số CMND: ........................................ Ngay cấp: ..............
Địa chỉ: ................................................... Điện thoại: ........................................

Tôi đề nghị xác định tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa như sau:

1. Diện tích đất được Ủy ban nhân dân tỉnh (Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã) cho thuê (giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất) là: ............. m²; trong đó diện tích đất chuyên trồng lúa nước (đất trồng được hai vụ lúa nước trở lên trong năm) nằm trong diện tích đất thuê (đất giao, đất chuyên mục đích sử dụng) là: ............. m².

2. Số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đề nghị xác định là: ........ đồng

Đề nghị Sở Tài chính tỉnh/thành phố (Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố, thị xã) xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để tôi thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định./.

........, ngày ......... tháng........ năm .........
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)
Phụ lục VI
DÀNH CHO SỞ TÀI CHÍNH XÁC ĐỊNH TÊN BÀO VỆ PHÁT TRIỂN DẤT TRỌNG LƯA
(Kế hoạch phát định số 62/2019/ND-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)

UBND TỈNH ............
SỞ TÀI CHÍNH

Số: /
V/v thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..........., ngày........... tháng .......... năm .......

Kính gửi: ......(tên cơ quan/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân)

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.


Căn cứ Quyết định số ........../QĐ-UBND ngày ...... tháng ..... năm ..... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố về mức thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Sau khi xem xét hồ sơ do...... (tên cơ quan/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân) đề nghị, Sở Tài chính thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp của .......... (tên cơ quan/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân) đối với diện tích đất chuyển mục đích sử dụng từ đất chuyển trồng lúa nước như sau:

1. Xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp:

Diện tích đất chuyển trồng lúa được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa là: .........................m².

Giá đất nông nghiệp để tính tiền bảo vệ đất trồng lúa là: ............../m².

Tổng số tiền bảo vệ đất trồng lúa phải nộp là: ............m² (diện tích) x ........d/m² (giá đất) x tỷ lệ nộp (%) theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh = .........................dòng (Bằng chữ: .......................).
2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày văn bản này được ký, ................
(tên cơ quan/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân) có trách nhiệm nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nếu trên vào ngân sách cấp tỉnh tại Kho bạc Nhà nước theo Tài khoản: 7111; Chương: là chương của đơn vị nộp tiền nếu có; tiêu mục: 4914. Sau thời hạn trên, ........(tên cơ quan/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân) sẽ phải nộp thêm tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.
Sở Tài chính thông báo để ................(tên cơ quan/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân) được biết và triển khai thực hiện./.

Noi nhận:
- Như trên;
- Cục thuế tỉnh;
- Chi cục thuế huyện ............;
- Phòng TC-KH huyện ............;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, dòng dấu)
Phụ lục VII
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ
CHUYỂN ĐỔI CỎ CÂU CÂY TRỌNG TRÊN ĐẤT TRỌNG LƯA
(Kế hoạch Nghiên cứu số 52/2019/ND-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)

Đơn vị .............

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Kết quả chuyển đổi cỏ câu cây trồng trên đất trồng lúa

<table>
<thead>
<tr>
<th>STT</th>
<th>Loại cây trồng/thụy sản chuyển đổi</th>
<th>Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)</th>
<th>Thời gian chuyển đổi (Vụ/năm)</th>
<th>Ghi chú</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td>Tổng</td>
<td>3 vụ lúa</td>
<td>2 vụ lúa</td>
</tr>
<tr>
<td>I</td>
<td>Trường cày hàng năm</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>II</td>
<td>Trường cày lâu năm</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>III</td>
<td>Nuôi trồng thụy sản kết hợp với trồng lúa</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

....... ngày..... tháng ..... năm......

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, dòng đầu)
Phụ lục VIII
MAU KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CÂU CÂY TRÔNG TRÊN ĐẤT TRÔNG LƯA
(Kế hoạch số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
(cấp xã)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm ...........

Căn cứ quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các quy định khác của pháp luật liên quan.

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ........... thông báo kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>STT</th>
<th>Loại cây trồng/thủy sản chuyển đổi</th>
<th>Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)</th>
<th>Thời gian chuyển đổi</th>
<th>Thuộc thừa đất/tô bản được</th>
<th>Khu vực, cảnh dòng</th>
</tr>
</thead>
</table>
|     |                                  | Tổng diện tích                      | 3 vụ lúa | 2 vụ lúa | 1 vụ lúa | ... | ...
| I   | Trồng cây hàng năm               |                                     |               |           |         |     |     |
|     |                                  |                                     |               |           |         |     |     |
| II  | Trồng cây lâu năm                |                                     |               |           |         |     |     |
|     |                                  |                                     |               |           |         |     |     |
| III | Nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng lúa |                        |               |           |         |     |     |

...... ngày...... tháng ...... năm......

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ LẬP KẾ HOẠCH
(Ký, ghi rõ họ tên, dòng đầu)